



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng CTCP Tái bảo hiểm Hà Nội

Ngày 31/12/2025	21,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.4%	11.3%	15.8%

DT thuần Q4/25
474
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 51.0 12.1%
YoY: ▲ 198 71.8%

LN thuần Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
0
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
22.7%
YoY: +/-▼ 23.7%

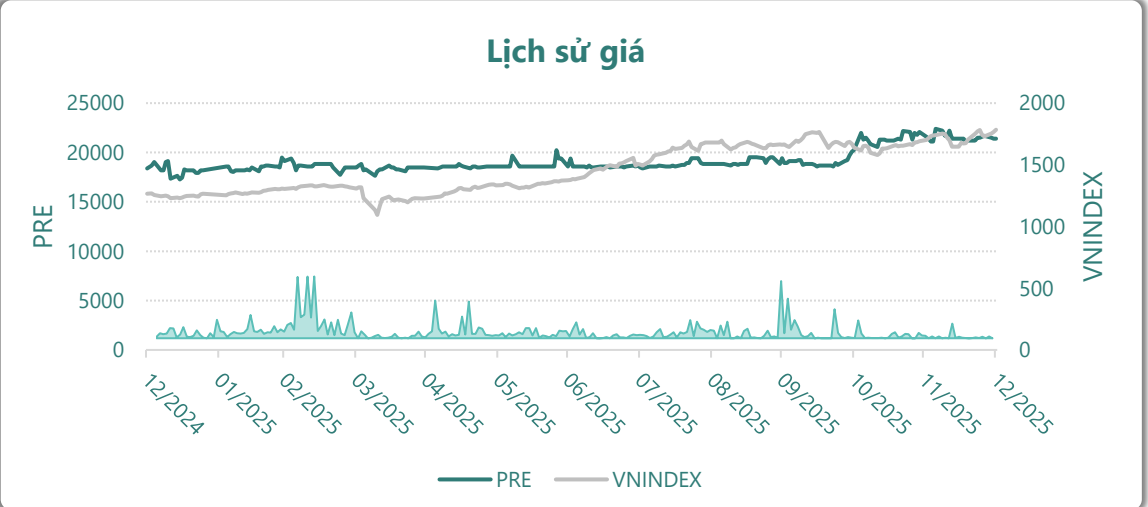
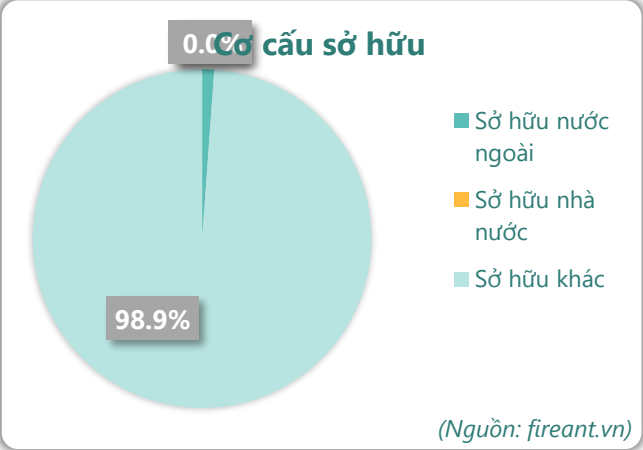
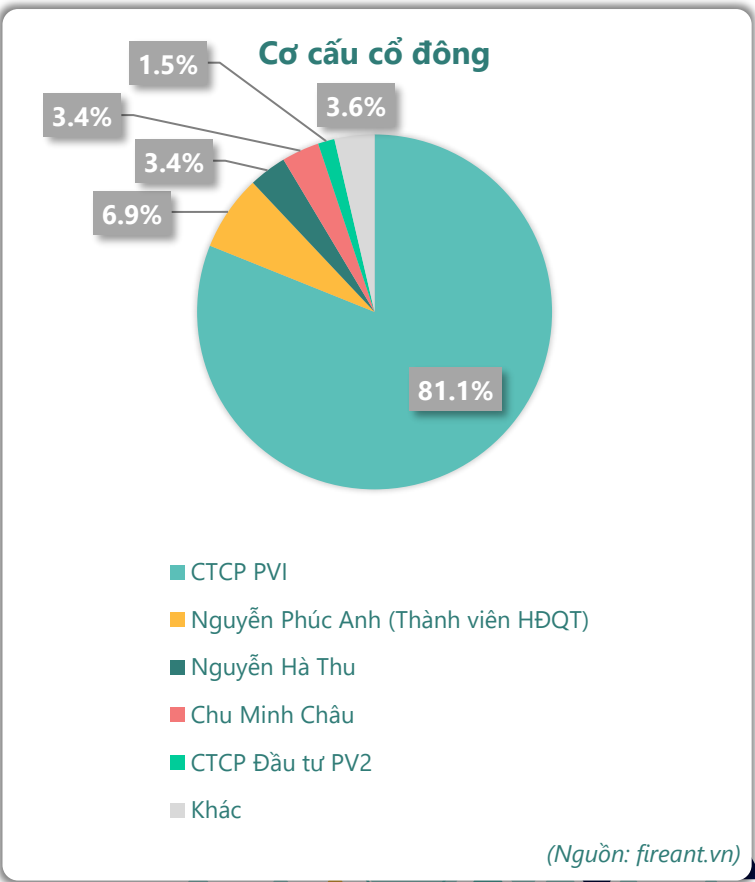
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,270 - 22,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,435
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	(0.14)
EPS	
P/E	

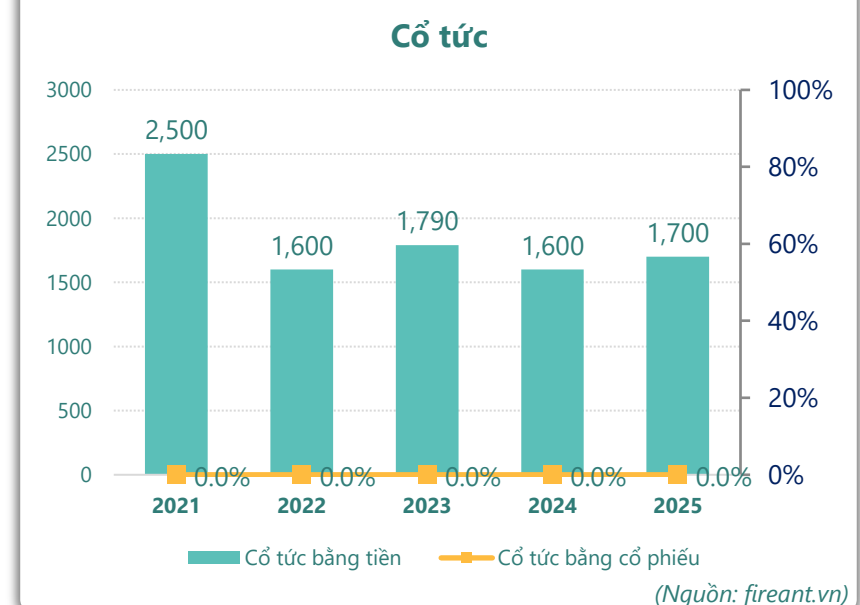
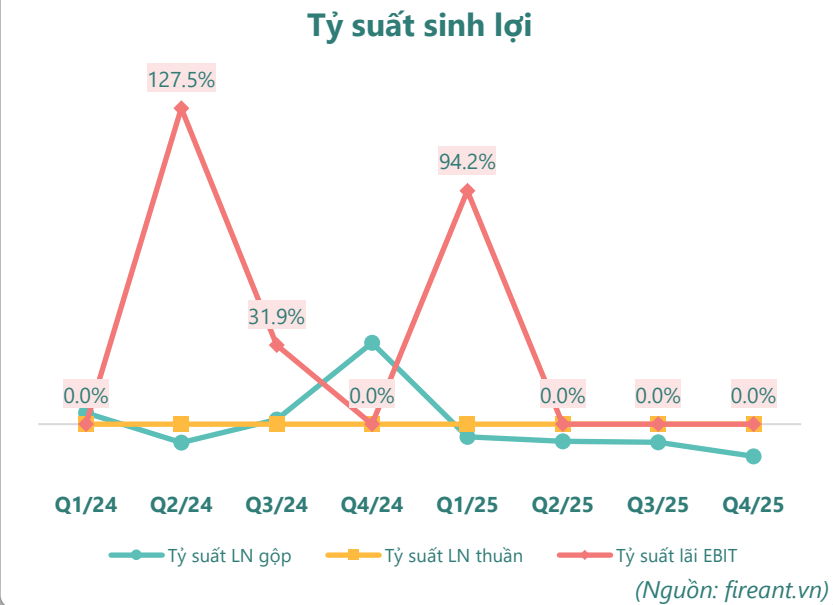
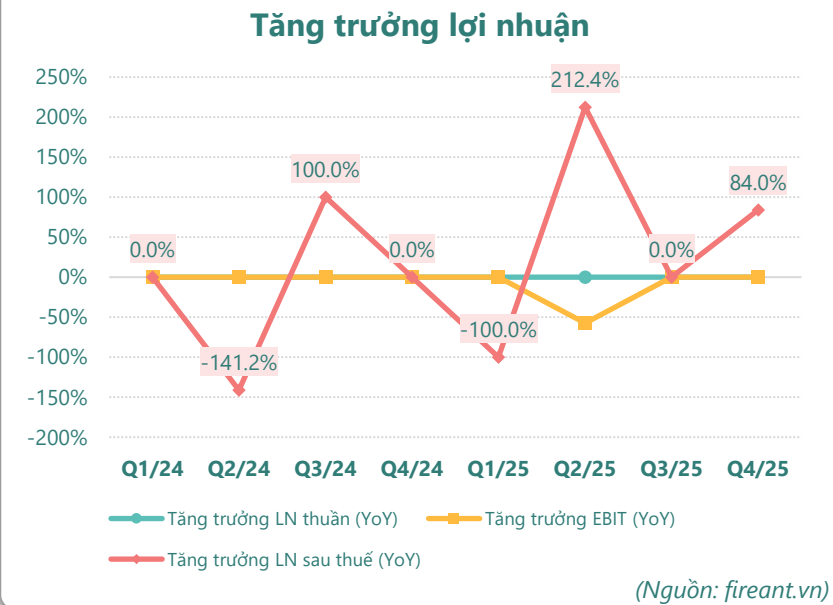
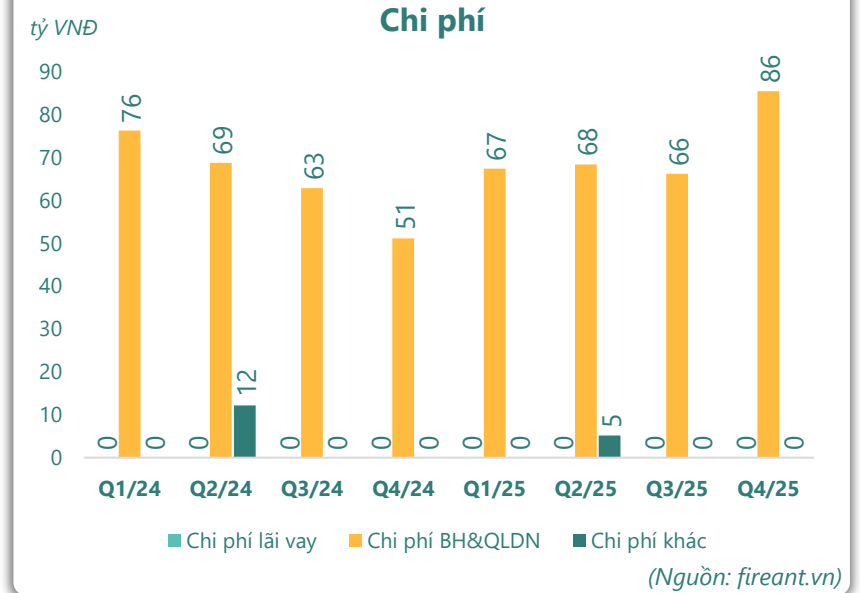
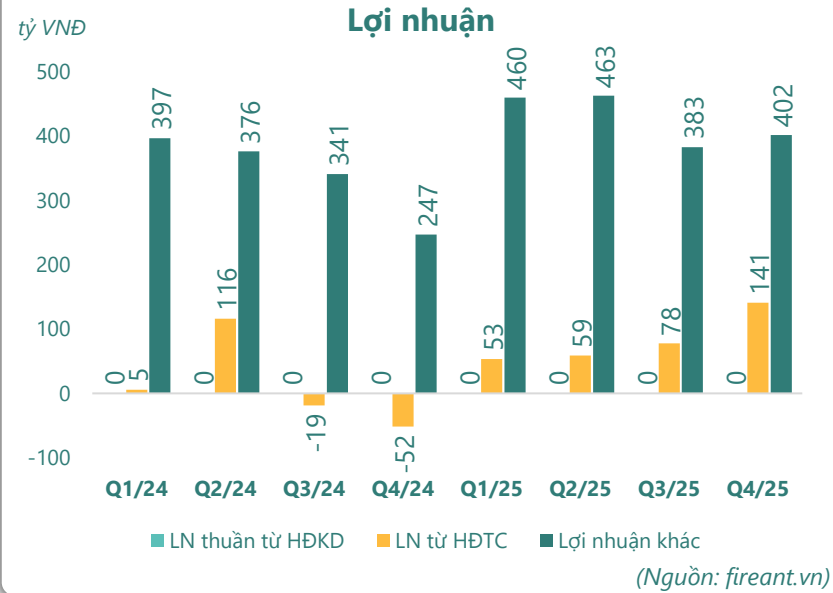
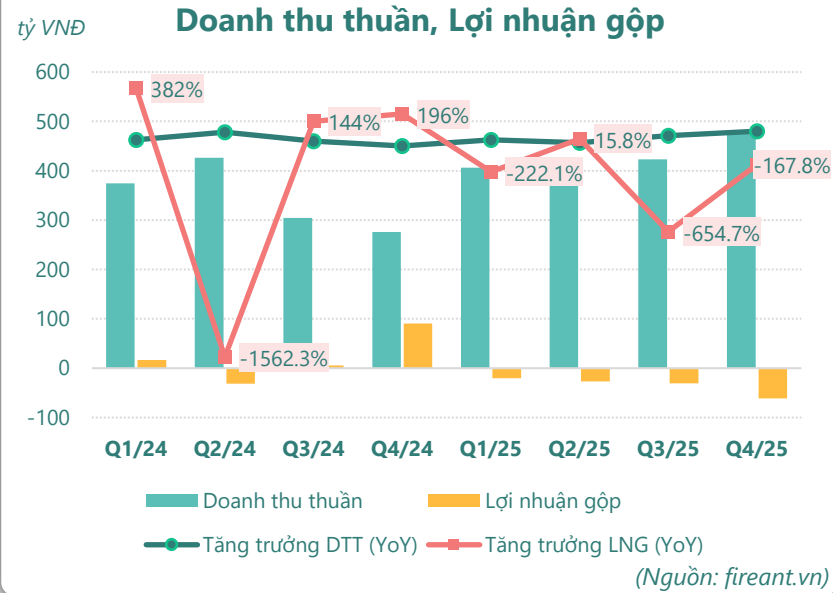
DT thuần 2025
1,686
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 305 22.1%

LN thuần 2025
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế 2025
0
tỷ VNĐ

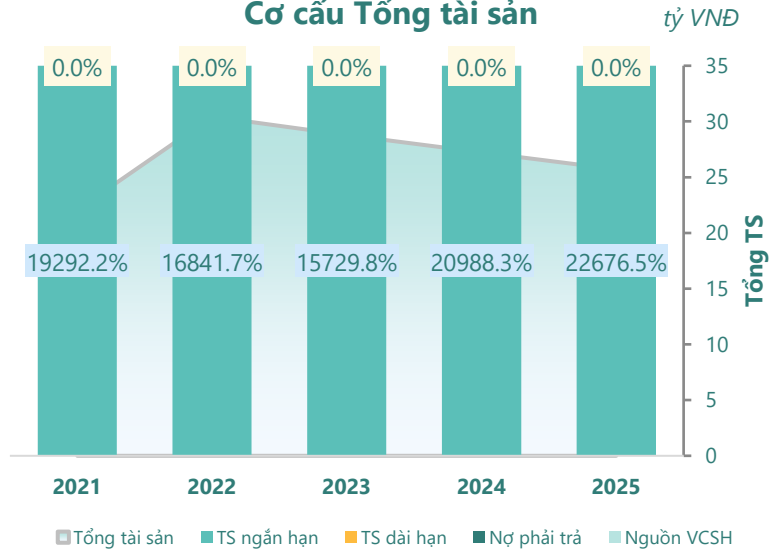


KẾT QUẢ KINH DOANH



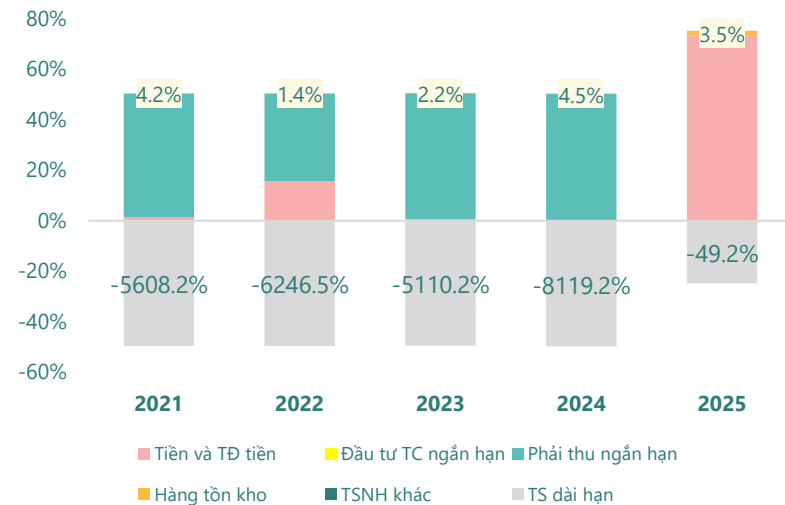
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



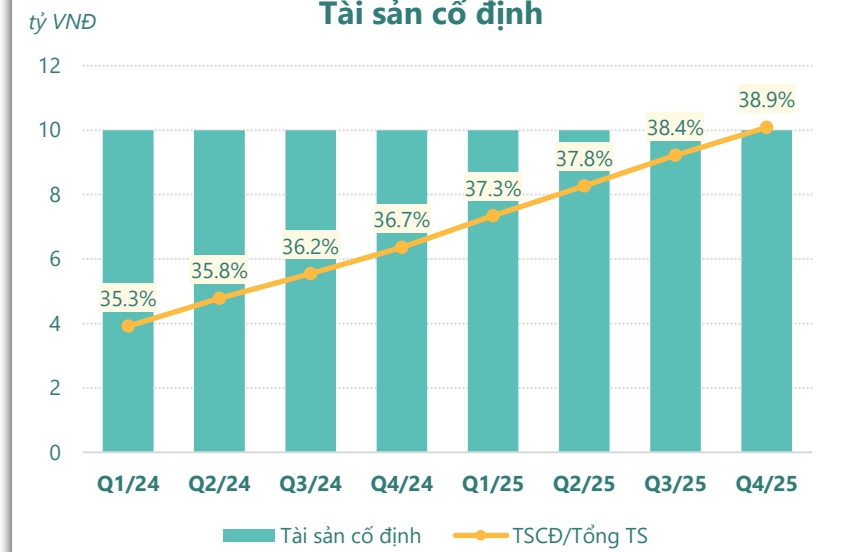
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



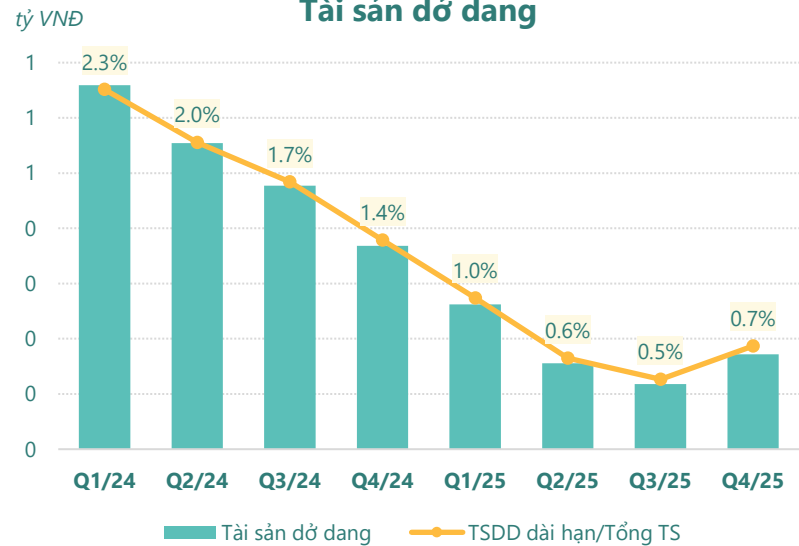
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



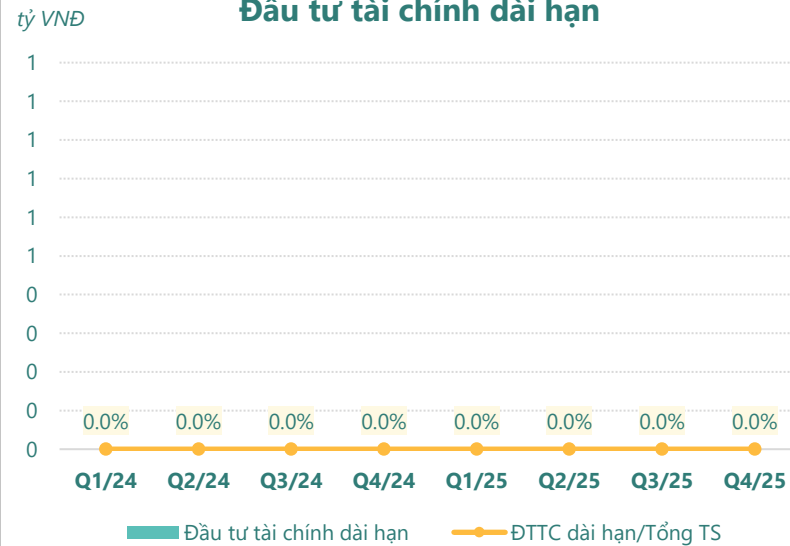
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



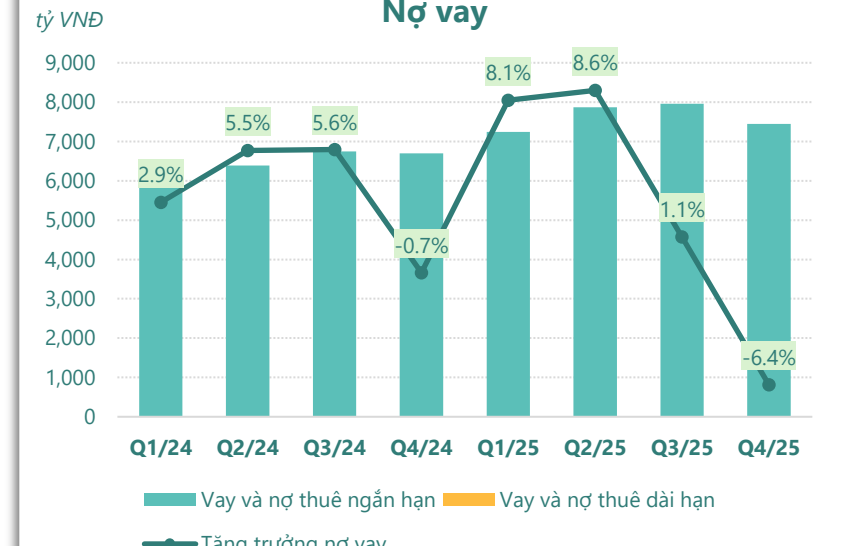
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

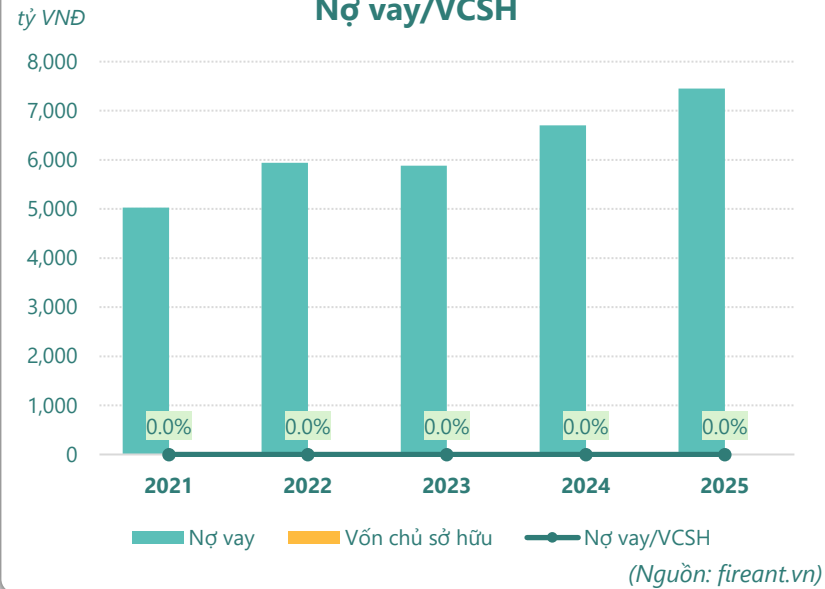
Nợ vay



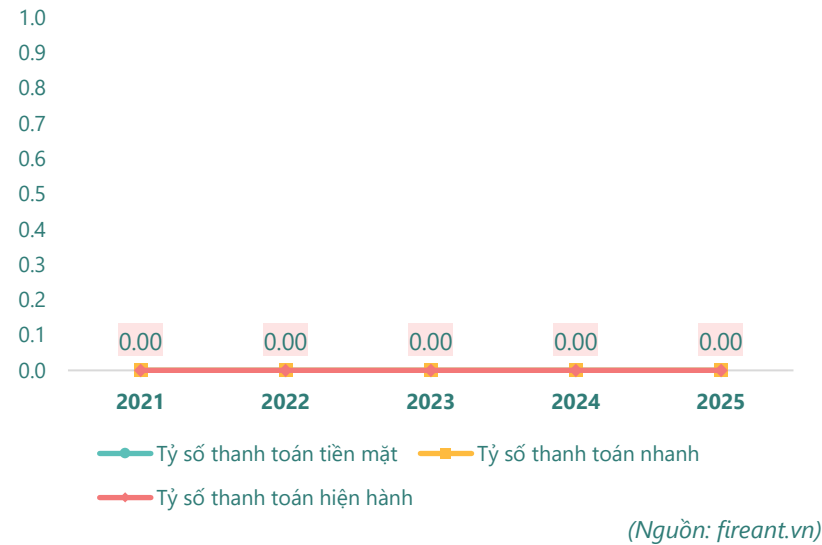
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

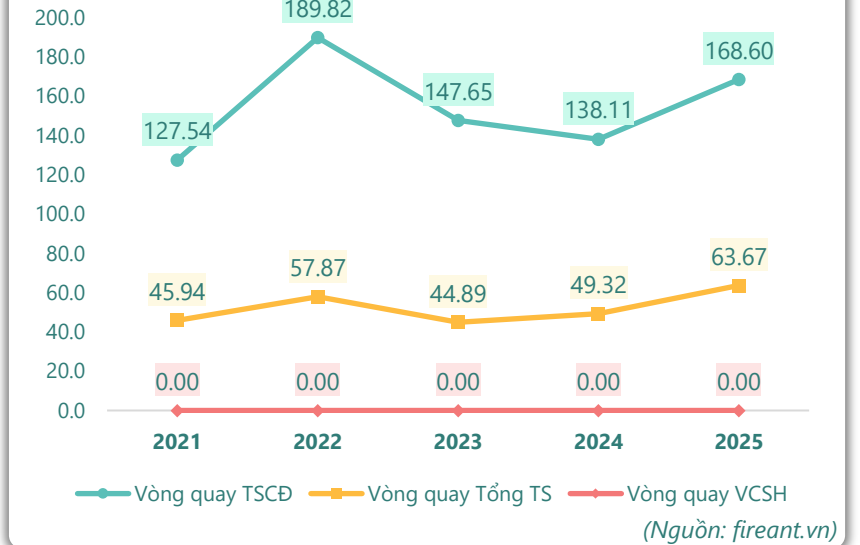
Nợ vay/VCSH



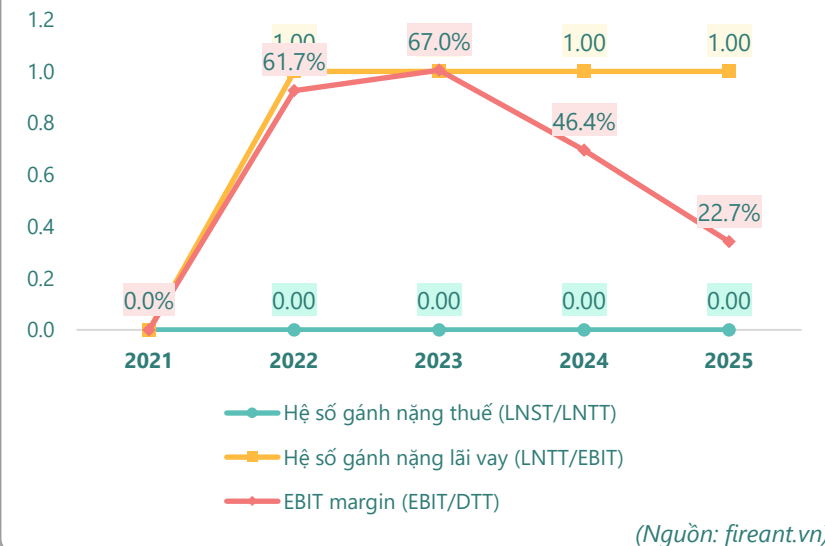
Chỉ số thanh khoản



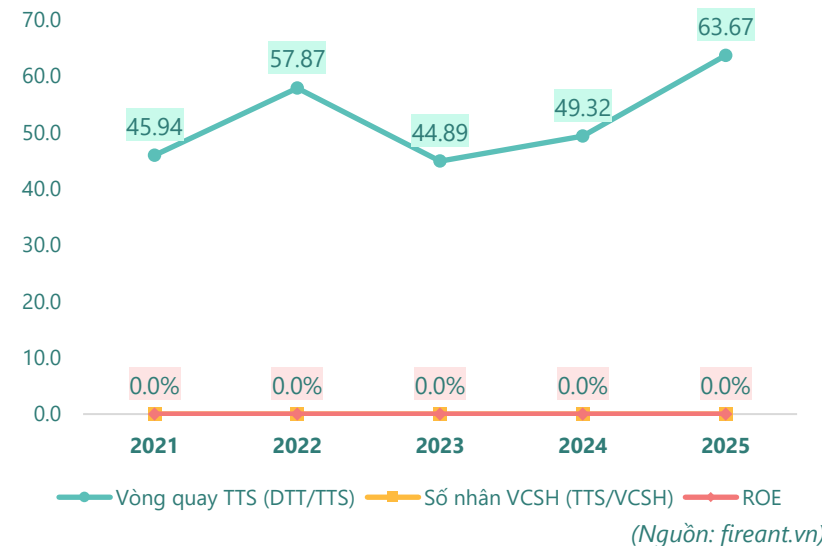
Vòng quay tài sản



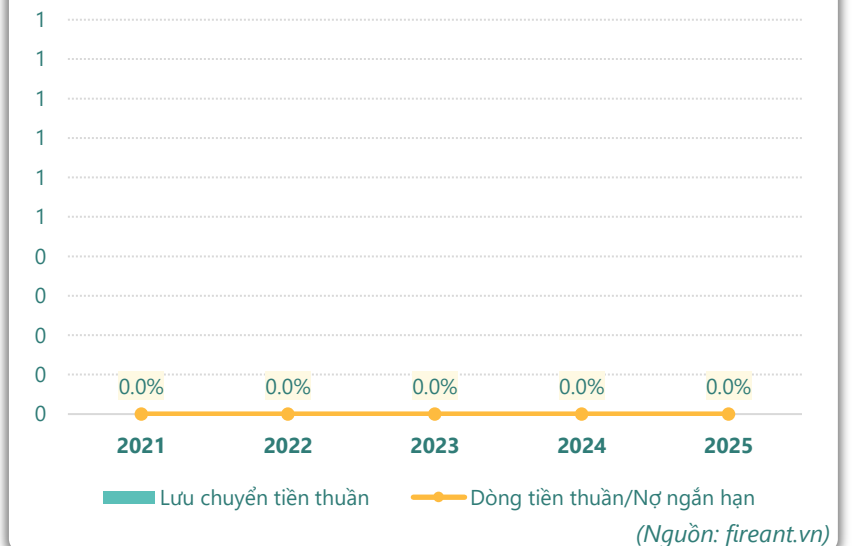
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	474	276	71.8%	1,686	1,381	22.1%
Giá vốn hàng bán	394	237	66.4%	1,494	1,248	19.7%
Lợi nhuận gộp	-61.4	90.6	-168%	-140	81.4	-271%
Doanh thu HĐTC	141	-51.6	374%	331	51.5	543%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	68.7	47.8	43.7%	252	227	10.9%
Chi phí QLDN	16.9	3.43	392%	36.2	32.4	11.7%
LN thuần từ HĐKD	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận khác	402	247	62.8%	1,709	1,362	25.5%
LN trước thuế	0	0.00		383	640	-40.2%
Lợi nhuận sau thuế	0	0.00		0	0	
LNST của CĐ cty mẹ	126	71.8	75.1%	417	307	36.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	99.4	9.54	8.68	11.0	17.6	40.4
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.54	8.68	11.0	17.6	40.4	37.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	25.7	27.2	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	5,832	5,718	2.0%
Tiền và tương đương tiền	37.5	8.68	332%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	2,229	-100%
Hàng tồn kho	0.91	1.24	-26.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	0	0	
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	10.0	10.0	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.17	0.37	-53.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	25.7	27.2	-5.6%
Nợ phải trả	0	0	
Nợ ngắn hạn	0	0	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,449	6,701	11.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,778	5,084	13.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	1,671	1,617	3.3%
Kinh phí và quỹ khác	7.31	7.38	-1.0%

(Nguồn: fireant.vn)

